

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

<b>ĐKCT 1.1</b>	<p>Chủ đầu tư: Tập đoàn Điện lực Việt Nam</p> <p>Địa chỉ: <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của chủ đầu tư và đại diện ủy quyền (nếu có)].</i></p>
<b>ĐKCT 1.3</b>	<p>Nhà thầu: _____</p> <p><i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i></p>
<b>ĐKCT 1.10</b>	Địa điểm dự án: Xã Khoen On, tỉnh Lai Châu.
<b>ĐKCT 1.11</b>	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Theo quy định tại Điều 8 của Thỏa thuận hợp đồng
<b>ĐKCT 2.2 (i)</b>	Các tài liệu khác: Văn bản, tài liệu giao dịch liên quan đến gói thầu giữa Bên A và Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng
<b>ĐKCT 4.1</b>	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.
<b>ĐKCT 5.1</b>	Các trường hợp khác: Không áp dụng.
<b>ĐKCT 7</b>	<b>Loại hợp đồng:</b> Hợp đồng trọn gói.
<b>ĐKCT 8</b>	<p>Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.</p> <p>- Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.</p>
<b>ĐKCT 10</b>	<p><b>10.1. Tạm ứng</b></p> <p><b>10.1.1. Tỷ lệ thanh toán tạm ứng</b></p> <p><i>a) Tạm ứng đối với các công việc của giai đoạn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (Pre-FS):</i></p> <p>Sau khi hợp đồng có hiệu lực và Bên A nhận được đủ các hồ sơ hợp lệ, Bên A tạm ứng cho Bên B giá trị tương ứng với tỷ lệ 30% giá trị hợp đồng trước thuế của phạm vi công việc giai đoạn thẩm tra Pre-FS.</p> <p>Trường hợp tỷ trọng giá chào thầu giai đoạn Pre-FS của nhà thầu cao hơn tỷ trọng giá trị thẩm tra Pre-FS trong dự toán gói thầu được duyệt thì giá trị tạm ứng được xác định như sau:</p> <p>- Giá trị tạm ứng = 30% * Giá hợp đồng trước thuế (không bao gồm dự phòng) * <math>K_{Pre-FS}</math></p> <p><i>Trong đó:</i></p> $K_{Pre-FS} = \frac{\text{Giá trị dự toán giai đoạn Pre – FS trong dự toán gói thầu}}{\text{Tổng giá trị dự toán gói thầu}}$ <p>+ <math>K_{Pre-FS}</math>: Theo Phụ lục 1 kèm theo Hợp đồng.</p>

<p><i>b) Tạm ứng đối với các công việc của Giai đoạn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS):</i></p> <p>Sau khi Chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Bên A nhận được đủ các hồ sơ hợp lệ, Bên A tạm ứng cho Bên B giá trị tương ứng với tỷ lệ 30% giá trị hợp đồng trước thuế của phạm vi công việc giai đoạn thẩm tra FS.</p> <p>Trường hợp tỷ trọng giá chào thầu giai đoạn FS của nhà thầu cao hơn tỷ trọng giá trị thẩm tra FS trong dự toán gói thầu được duyệt thì giá trị tạm ứng được xác định như sau:</p> <p>- Giá trị tạm ứng = 30% * Giá hợp đồng trước thuế (không bao gồm dự phòng) * <math>K_{FS}</math></p> <p><i>Trong đó:</i></p> $K_{FS} = \frac{\text{Giá trị dự toán giai đoạn FS trong dự toán gói thầu}}{\text{Tổng giá trị dự toán gói thầu}}$ <p>+ <math>K_{FS}</math>: Theo Phụ lục 1 kèm theo Hợp đồng.</p> <p><i>c) Tạm ứng đối với các công việc của Giai đoạn Thiết kế kỹ thuật – Dự toán xây dựng công trình (TKKT):</i></p> <p>Sau khi Báo cáo nghiên cứu khả thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Bên A nhận được đủ các hồ sơ hợp lệ, Bên A tạm ứng cho Bên B giá trị tương ứng với tỷ lệ 30% giá trị hợp đồng trước thuế của phạm vi công việc thẩm tra giai đoạn TKKT.</p> <p>Trường hợp tỷ trọng giá chào thầu giai đoạn TKKT của nhà thầu cao hơn tỷ trọng giá trị TKKT trong dự toán gói thầu được duyệt thì giá trị tạm ứng được xác định như sau:</p> <p>- Giá trị tạm ứng = 30% * Giá hợp đồng trước thuế (không bao gồm dự phòng) * <math>K_{TKKT}</math></p> <p><i>Trong đó:</i></p> $K_{TKKT} = \frac{\text{Giá trị dự toán giai đoạn TKKT trong dự toán gói thầu}}{\text{Tổng giá trị dự toán gói thầu}}$ <p>+ <math>K_{TKKT}</math>: Theo Phụ lục 1 kèm theo Hợp đồng.</p> <p><i>d) Tạm ứng đối với các công việc của Giai đoạn lập thiết kế BVTC.</i></p> <p>Sau khi hồ sơ TKKT thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Bên A nhận được đủ các hồ sơ hợp lệ, Bên A tạm ứng cho Bên B giá trị tương ứng với tỷ lệ 30% giá trị hợp đồng trước thuế của phạm vi công việc thẩm tra giai đoạn BVTC.</p> <p><b>10.1.2. Thu hồi tạm ứng gia hạn bảo lãnh tạm ứng và thu hồi bảo lãnh tạm ứng</b></p> <p>- Thu hồi tạm ứng: Bên A sẽ thu hồi tiền tạm ứng từ lần thanh toán lần đầu và kết thúc khi giá trị thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng tương ứng của các giai đoạn: Pre-FS, FS, TKKT, BVTC. Tỷ lệ thu</p>
---

	<p>hồi tạm ứng tối thiểu là 37,5% giá trị nghiệm thu công việc hoàn thành trước thuế.</p> <p>- Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn hiệu lực, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>- Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích hoặc vi phạm các quy định của Hợp đồng; (2) Bên B từ chối gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng.</p> <p><i>Trường hợp Bên B là Liên danh các nhà thầu thì từng thành viên trong Liên danh phải nộp cho Bên A bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng cho từng thành viên và Tiền tạm ứng sẽ được Bên A chuyển riêng rẽ vào tài khoản của từng thành viên trong Liên danh của Bên B.</i></p> <p><i>Trường hợp các thành viên trong Liên danh thỏa thuận để nhà thầu Đại diện Liên danh nộp bảo lãnh tạm ứng cho Bên A và chuyển tiền tạm ứng cho thành viên Đại diện Liên danh thì thành viên Đại diện Liên danh phải nộp bảo lãnh tạm ứng cho Bên A như quy định tại các Điểm 10.1.2, 10.1.3 Điều này, các thành viên Liên danh phải nộp Bảo lãnh tạm ứng cho thành viên Đại diện Liên danh tương ứng với số tiền được tạm ứng. Tiền tạm ứng sẽ được Bên A chuyển vào tài khoản của thành viên Đại diện Liên danh.</i></p> <p><b>10.1.3. Hồ sơ thanh toán tạm ứng</b></p> <p>+ Văn bản đề nghị tạm ứng của Bên B;</p> <p>+ Bảo lãnh tạm ứng (tương ứng với từng giai đoạn: Pre-FS, FS, TKKT, BVTC) vô điều kiện, không hủy ngang do một ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng, có hiệu lực đến khi Bên A thu hồi hết giá trị tạm ứng.</p> <p><b>10.2. Nghiệm thu, thanh toán:</b> Theo Phụ lục E kèm theo Hợp đồng.</p> <p><b>10.3. Đồng tiền thanh toán:</b> Việt Nam đồng.</p> <p><b>10.4. Thời hạn thanh toán:</b> Thanh toán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p>
<b>ĐKCT 11</b>	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng.
<b>ĐKCT 12</b>	<p>Thời gian thực hiện hợp đồng:</p> <p>- Thời gian thực hiện gói thầu: 59 tháng.</p> <p>- Từ ngày hợp đồng có hiệu lực tới khi các Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng.</p>

<b>ĐKCT 13.1</b>	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: Trong vòng 05 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng.
<b>ĐKCT 13.2 (e)</b>	<p>Các trường hợp khác: Nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng được thực hiện như sau:</p> <p>a) Đối với hợp đồng trọn gói, chỉ được điều chỉnh hợp đồng cho những khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký (phạm vi công việc nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện) và các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 143 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.</p> <p>b) Đối với khối lượng phát sinh ngoài phạm vi công việc của hợp đồng:</p> <p>Đơn giá thanh toán cho công việc phát sinh này được xác định theo quy định hiện hành về quản lý chi phí của Bộ Xây dựng tại thời điểm triển khai công việc phát sinh. Đơn giá cho công việc phát sinh này sẽ được nhân với hệ số <math>k = \text{giá hợp đồng (tại thời điểm ký kết)} / \text{giá trị dự toán gói thầu được duyệt}</math>.</p> <p>Trường hợp tổng giá trị hợp đồng sau điều chỉnh không làm vượt giá gói thầu thì Bên A tổ chức phê duyệt làm cơ sở ký Phụ lục bổ sung hợp đồng để thực hiện.</p> <p>Trường hợp tổng giá trị hợp đồng sau điều chỉnh vượt giá gói thầu thì Bên A trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt điều chỉnh làm cơ sở thực hiện.</p>
<b>ĐKCT 14.2</b>	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: Trong vòng 05 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Bên A.
<b>ĐKCT 15.2</b>	<p><b>1. Điều chỉnh Điểm d của ĐKCT 15.2 như sau:</b></p> <p>đ) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được hai Bên thỏa thuận theo quy định của Hợp đồng.</p> <p>Đối với công việc thẩm tra kết quả phân tích hiệu ích kinh tế - tài chính: Bên B phải nộp cho Bên A file tính toán chi tiết thể hiện đường link tính toán của các số liệu để tính ra kết quả phân tích và nộp cùng với hồ sơ các giai đoạn (Pre-FS, FS, TKKT).</p> <p><b>2. Bổ sung ĐKCT 15.2 như sau:</b></p> <p>h) Phối hợp với Bên A giải trình đơn vị: thẩm định của cấp có thẩm quyền, thanh tra, kiểm toán (nếu có) đối với các nội dung có liên quan đến kết quả thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của Bên A.</p> <p>i) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).</p> <p>j) Kịp thời thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ nhằm đáp ứng yêu cầu về tiến độ và chất lượng theo cam kết của Bên B.</p>

	k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Bên B phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.
<b>ĐKCT 16.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: Thống nhất trong quá trình thương thảo và phù hợp với E-HSDT.
<b>ĐKCT 16.2</b>	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: <b>30%</b> giá hợp đồng [ <i>Hệ thống trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT</i> ].
<b>ĐKCT 16.4</b>	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: - Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu cần thiết phải thuê thầu phụ thì Bên B cung cấp hồ sơ năng lực của nhà thầu phụ, phạm vi công việc thầu phụ dự kiến thực hiện cho Bên A xem xét, thỏa thuận trước khi thực hiện. - Bên B phải chịu trách nhiệm trước Bên A và pháp luật về chất lượng, tiến độ thực hiện phạm công việc của nhà thầu phụ được giao theo hợp đồng này.
<b>ĐKCT 17</b>	1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng. a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 0,1% giá trị hợp đồng phần vi phạm cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo các mốc tiến độ được nêu trong <b>Phụ lục D của hợp đồng</b> . Tổng số tiền phạt không vượt quá: 12% giá trị hợp đồng (khoảng 376.385.280 đồng - giá trị này sẽ được chính xác trong quá trình thương thảo hợp đồng). Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu. Giá trị khối lượng vi phạm được xác định là phần giá trị hợp đồng tương ứng theo từng giai đoạn thẩm tra: Pre-FS, FS, TKKT, BVTC. Trường hợp nhà thầu vi phạm ở tất cả các giai đoạn thì giá trị khối lượng vi phạm là Tổng giá trị hợp đồng. b) Trường hợp chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại thời điểm gần nhất tính đến thời hạn thanh toán. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng Ngoài quy định về phạt vi phạm, Bên B có trách nhiệm bồi thường cho Bên A và bên thứ ba (nếu có) toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của Bên B gây ra trong quá trình thực hiện hợp đồng.
<b>ĐKCT 19.1</b>	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:

	<p>a) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót hoặc chậm trễ của Bên B trong khi thực hiện các nghĩa vụ của hợp đồng mà Bên B vẫn không có biện pháp sửa chữa các sai sót đó.</p> <p>b) Bên B chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A.</p> <p>c) Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.</p> <p>d) Trường hợp bất khả kháng quy định tại ĐKC 21.</p> <p>e) Bên B bị phạt vi phạm Hợp đồng vượt quá tổng số tiền phạt tối đa của mục E-ĐKC 17.</p> <p>f) Có bằng chứng cho thấy Bên B đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng.</p> <p>g) Bên B từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua quyết định của Tòa án tại E-ĐKCT 22.2.</p> <p>- Nếu có một trong những trường hợp này, Bên A có thể, bằng cách thông báo cho Bên B trước 5 ngày chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, trong trường hợp (c), Bên A có thể thông báo chấm dứt hợp đồng ngay lập tức.</p> <p>- Sự lựa chọn của Bên A trong việc quyết định chấm dứt hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Bên A theo hợp đồng.</p> <p>Các bước thực hiện khi chấm dứt hợp đồng theo E-ĐKCT 20b.</p> <p>h) Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Theo ĐKC 20c.</p>
<b>ĐKCT 20</b>	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư:</p> <p>a) Bên B có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên A biết trước ít nhất là 5 ngày nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <p>- Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.</p> <p>- Quá thời hạn 45 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng mà Bên A vẫn không thể tiếp tục thực hiện các công việc của hợp đồng.</p> <p>b) Các bước thực hiện khi chấm dứt hợp đồng:</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu xảy ra một trong những trường hợp phải chấm dứt hợp đồng, một bên có thể thông báo cho bên kia về việc chấm dứt hợp đồng trước 10 ngày.</li> <li>- Bên B phải chuyển các tài liệu mà mình đã thực hiện được tại thời điểm chấm dứt hợp đồng cho Bên A.</li> <li>- Sau khi chấm dứt hợp đồng Bên A có thể lựa chọn đơn vị khác thực hiện. Bên A và đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào của Bên B đã được thực hiện hoặc đại diện Bên B thực hiện.</li> <li>- Không muộn hơn 5 ngày sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng, hai Bên sẽ thảo luận và xác định giá trị của công việc và các tài liệu của Bên B đã thực hiện theo hợp đồng (Giá trị hợp đồng tại thời điểm chấm dứt). Trong vòng 45 ngày sau khi xác định Giá trị hợp đồng tại thời điểm chấm dứt, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B toàn bộ số tiền này.</li> </ul>
<b>ĐKCT 22.2</b>	<p>Giải quyết tranh chấp:</p> <p>Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các Bên không đạt được thoả thuận về giải quyết các tranh chấp theo hợp đồng, thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện tại Tòa án Nhân dân có thẩm quyền tại nơi đặt trụ sở của Bên A. Trong thời gian chờ đợi phán quyết của Tòa án, Bên B vẫn phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng. Quyết định của toà án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên. Bên thua kiện phải chịu án phí.</p>
<b>ĐKCT 23.1</b>	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: Số 11 Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội Điện thoại: 024 22148183 Fax: 024 35541371. E-mail: _____</li> <li>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____</li> </ul>

## **PHỤ LỤC E**

### **THANH TOÁN**

(Kèm theo Hợp đồng số: : /BCMR/202.../HD-EVNPMB2-.....)

#### **1. Nghiệm thu khối lượng**

##### **1.1. Nghiệm thu khối lượng thẩm tra giai đoạn Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (Pre-FS):**

- Lần 1: Sau khi hồ sơ Pre-FS được Bên B giao nộp và được Bên A trình cấp có thẩm quyền thẩm định/ phê duyệt.

- Lần 2: Sau khi hồ sơ Pre-FS được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

##### **1.2. Nghiệm thu khối lượng thẩm tra giai đoạn Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS):**

- Lần 1: Sau khi hồ sơ FS được Bên B giao nộp và được Bên A trình cấp có thẩm quyền thẩm định/ phê duyệt.

- Lần 2: Sau khi hồ sơ FS được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với chi phí thẩm tra mô hình thông tin BIM: Nghiệm thu 01 lần sau khi FS được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

##### **1.3. Nghiệm thu khối lượng thẩm tra giai đoạn Thiết kế kỹ thuật (TKKT):**

+ Lần 1: Nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành sau khi TKKT được Bên A trình cấp có thẩm quyền thẩm định/ phê duyệt.

+ Lần 2: Nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành sau khi TKKT được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với chi phí thẩm tra mô hình thông tin BIM: Nghiệm thu 01 lần sau khi TKKT được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

##### **1.4. Nghiệm thu khối lượng thẩm tra giai đoạn Thiết kế Bản vẽ thi công (BVTC):**

###### **a) Nghiệm thu công việc lập TKBVTC gồm các công việc:**

- Lập thiết kế BVTC: Định kỳ 12 tháng/lần, căn cứ danh mục hồ sơ thiết kế BVTC các hạng mục được duyệt/thỏa thuận, Bên A sẽ nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành trên cơ sở tỷ lệ % tương ứng theo thời gian thực hiện.

- Lập ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM): Nghiệm thu công việc tương ứng với tỷ lệ hoàn thành công tác lập BVTC.



## 2. Thanh toán

Tỷ trọng giá trị công việc các giai đoạn tương ứng trong dự toán gói thầu như sau:

TT	Nội dung	Tỷ trọng thanh toán chi phí thẩm tra tối đa từng giai đoạn so với giá gói thầu		Ghi chú
		Thiết kế, BIM	Dự toán	
<b>I</b>	<b>Chi phí tư vấn các giai đoạn Khảo sát, lập Pre-FS, FS, TKKT, BVTC</b>			
1	Giai đoạn lập Pre-FS	7,57%	4,07%	K <sub>Pre-FS</sub>
2	Giai đoạn FS	22,12%	11,41%	K <sub>FS</sub>
3	Giai đoạn TKKT	19,44%	20,98%	K <sub>TKKT</sub>
4	Giai đoạn TKBVTC	14,40%		K <sub>BVTC</sub>

Trường hợp tỷ trọng giá chào thầu các công việc thực hiện giai đoạn trước của Nhà thầu cao hơn tỷ trọng các công việc tương ứng trong dự toán gói thầu nêu trên thì tổng giá trị thanh toán tương ứng của mỗi giai đoạn được xác định tối đa là giá trị hợp đồng nhân với tỷ lệ tương ứng theo từng giai đoạn như bảng trên. Phần giá trị chênh lệch cao hơn sẽ được nghiệm thu thanh toán khi hai bên hoàn thành quyết toán công việc của hợp đồng.

**Tỷ lệ thanh toán trong các giai đoạn như sau:**

### **2.1. Thanh toán chi phí thẩm tra giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi (Pre-FS):**

- Lần 1: Thanh toán đến 80% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi Pre-FS được Bên A trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt/chấp thuận.
- Lần 2: Thanh toán đến 95% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi Pre-FS được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Lần 3: Thanh toán đến 100% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi các Bên hoàn thành thủ tục quyết toán.

### **2.2. Thanh toán chi phí thẩm tra giai đoạn FS:**

- Lần 1: Thanh toán đến 80% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi FS được Bên A trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt/chấp thuận.
- Lần 2: Thanh toán đến 95% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi FS được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Lần 3: Thanh toán đến 100% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi các Bên hoàn thành thủ tục quyết toán.

### **2.3. Thanh toán chi phí thẩm tra giai đoạn TKKT:**

- Lần 1: Thanh toán đến 80% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi TKKT được Bên A trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt/chấp thuận.
- Lần 2:
  - + Công tác thẩm tra TKKT: Thanh toán đến 95% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi TKKT-DTXDCT được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Công tác thẩm tra DTXDCT, DT gói thầu: Thanh toán đến 90% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi TKKT-DTXDCT được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thanh toán đến 95% giá trị khối lượng hoàn thành sau khi nhà thầu hoàn thành toàn bộ công việc thẩm tra dự toán gói thầu được Bên A nghiệm thu.

- Lần 3: Thanh toán đến 100% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi các Bên hoàn thành thủ tục quyết toán.

#### ***2.4. Thanh toán chi phí thẩm tra giai đoạn BVTC:***

- Lần 1: Thanh toán đến 95% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu.

- Lần 2: Thanh toán đến 100% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi các Bên hoàn thành thủ tục quyết toán.

#### **3. Thanh toán trong trường hợp tạm dừng dự án hoặc chấm dứt hợp đồng**

- Việc thanh toán thực hiện theo Điều 5 Phần thỏa thuận Hợp đồng và ĐKCT 10 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực.

- Khi xảy ra trường hợp chấm dứt hợp đồng, các Bên cùng phối hợp rà soát các công việc đã hoàn thành, nghĩa vụ thanh toán, bồi thường trước khi quyết toán và thanh toán bù trừ (nếu có) phần giá trị tạm ứng và giá trị khối lượng hoàn thành đã thực hiện.

#### **4. Hồ sơ thanh toán**

##### ***a) Hồ sơ nghiệm thu thanh toán***

- Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B kèm theo bảng thống kê lũy kế các đợt thanh toán và trừ giá trị thu hồi tạm ứng: 05 bản gốc;

- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành: 08 bản gốc.

- Biên bản nghiệm thu thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành: 06 bản gốc.

- Hóa đơn giá trị gia tăng.

##### ***b) Hồ sơ nghiệm thu quyết toán***

- Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B kèm theo Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng: 06 bản gốc.

- Biên bản nghiệm thu quyết toán khối lượng hoàn thành: 08 bản gốc.

- Biên bản nghiệm thu thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành: 06 bản gốc.

- Biên bản nghiệm thu quyết toán giá trị khối lượng hoàn thành: 06 bản gốc.

- Hóa đơn giá trị gia tăng (nếu có).

##### ***c) Hồ sơ thanh lý hợp đồng:***

- Văn bản đề nghị thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành còn lại của Bên B (nếu có): 05 bản gốc.

- Biên bản thanh lý hợp đồng: 08 bản gốc.

- Hóa đơn giá trị gia tăng (nếu có).

*\* Hồ sơ chất lượng, hồ sơ báo cáo thẩm tra: Bên B phải nộp cùng từng đợt thanh toán tuân thủ các quy định hiện hành. Số lượng hồ sơ như sau:*

- Hồ sơ nghiệm thu hoàn thành và hồ sơ quyết toán: 07 bộ.

*(Hồ sơ nghiệm thu kèm theo file điện tử (Autocad, pdf, excel, word,...)).*

## PHỤ LỤC D

### TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số: /BCMR/202.../HD-EVNPMB2-.....)

#### I. Tiến độ thực hiện và các mốc phạt

##### 1. Tiến độ thực hiện và mốc phạt do chậm tiến độ

###### 1.1. Giai đoạn Pre-FS và Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư

- + Hoàn thành thẩm tra hồ sơ: 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và ngày Bên A bàn giao đủ hồ sơ cho Bên B.
- + Giải trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định chủ trương đầu tư và chỉnh sửa báo cáo thẩm tra sau thẩm định: 03 ngày kể từ ngày Bên A bàn giao đủ hồ sơ cho Bên B.

###### 1.2. Giai đoạn FS

- + Hoàn thành thẩm tra hồ sơ: 15 ngày kể từ ngày Bên A bàn giao đủ hồ sơ cho Bên B.
- + Giải trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định chủ trương đầu tư và chỉnh sửa báo cáo thẩm tra sau thẩm định: 03 ngày kể từ ngày Bên A bàn giao đủ hồ sơ cho Bên B.

###### 1.3. Giai đoạn TKKT

- + Hoàn thành thẩm tra hồ sơ: 20 ngày kể từ ngày Bên A bàn giao đủ hồ sơ cho Bên B.
- + Giải trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định chủ trương đầu tư và chỉnh sửa báo cáo thẩm tra sau thẩm định: 03 ngày kể từ ngày Bên A bàn giao đủ hồ sơ cho Bên B.

###### 1.4. Giai đoạn BVTC

Hoàn thành thẩm tra BVTC của các hạng mục công trình/công trình đáp ứng để phê duyệt và giao cho nhà thầu trước khi triển khai thi công từ 0,5 tháng đến 01 tháng theo yêu cầu của Bên A.

##### 2. Phạt hợp đồng do chất lượng công việc

- Trường hợp hồ sơ do Bên B thực hiện có những sai sót dẫn đến phải trình lại cơ quan chuyên môn thẩm định từ hai lần trở lên và kéo dài thời gian hoàn thiện hồ sơ thiết kế của mỗi giai đoạn của dự án thì thời gian khắc phục các sai sót này được tính vào thời gian chậm hoàn thành theo các mốc quy định tại Mục I và chịu mức phạt như Mục II.

- Trường hợp khi triển khai thi công xảy ra sự cố sập đổ và đơn vị kiểm định phát hiện nguyên nhân do sai sót trong tính toán thiết kế mà thẩm tra không phát hiện thì phải chịu mức phạt tối đa theo quy định của Hợp đồng.

#### II. Mức phạt

a) Bên B vi phạm các mốc nêu tại Mục I thì phải chịu mức phạt tính bằng 0,1% giá trị khối lượng bị vi phạm đối với mỗi ngày vi phạm.

Trường hợp chậm hoàn thành các mốc tiến độ nêu tại Mục I do quá trình thẩm tra, thẩm định của Chủ đầu tư/hoặc cơ quan có thẩm quyền kéo dài không do lỗi của Nhà thầu thì không tính vào thời gian phạt hợp đồng.

b) Mức phạt do chất lượng công việc: Ngoài việc bị phạt do chậm tiến độ, Bên B còn bị phạt với mức là 0,5% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm về chất lượng công việc đối với mỗi lần vi phạm.

c) Tổng giá trị phạt không vượt quá 12% giá hợp đồng.

---